



xiù zi

袖子

Noun · sleeve

Example Sentence

zhè jiàn chèn shān de xiù zi tài cháng le xū yào gǎi duǎn yī xiē
这件衬衫的袖子太长了，需要改短一些。

The sleeves of this shirt are too long and need to be shortened a bit.

Trace each character, then write the word on your own.

袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖
袖	袖									

子	子	子	子	子	子					

